

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2020/HSST

Ngày: 25 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Quốc Hoàn và ông Phạm Kỳ Sơn

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Thảo- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2020/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/HSST-QĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC TH, sinh năm 1991. Nơi cư trú: xóm **G**, xã **BT**, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Có bố là Nguyễn Văn **B1** và mẹ là Đinh Thị **B2**; Vợ con: chưa có. Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền sự: không.

Tiền án: 01 tiền án – ngày 26/11/2014 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Hiếp dâm”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2015 đến ngày 26/11/2015 sau đó bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh từ ngày 26/11/2015 đến 24/7/2020. Bị cáo tiếp tục bị tạm giam từ ngày 30/7/2020 đến ngày 24/8/2020. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Thu **H**, sinh ngày 02/10/1999. Nơi cư trú: tổ 01, phường **TH**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức **Th** có quen biết với chị Nguyễn Thị Thu **H** qua ứng dụng OLA. Chiều ngày 24/12/2014, **H** nhắn tin rủ **Th** đi chơi hội chợ nhưng do bận nên **Th** hẹn **H** là hôm sau đi. Khoảng 20h00 phút ngày 25/12/2014, **Th** điều khiển xe mô tô BKS 28F1-3469 của gia đình tới ngã tư Việt Xô để đón **H**. Do còn sớm, cả hai đã rủ nhau tới khu vực nhà máy thủy điện Hòa Bình chơi. Khi đi tới gần đài tưởng niệm, **Th** nảy sinh ý định quan hệ tình dục với **H** nên đã chở **H** ra phía bờ kè Sông Đà thuộc tổ 21 (nay là tổ 8) phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình. Tại đây, **Th** dùng tay ôm và sờ người và ngực của **H**. Thấy **H** không có phản ứng gì, **Th** cởi quần của **H** đang mặc xuống đến đầu gối, và tự cởi quần mình đang mặc, cầm dương vật đang cương cứng ấn vào bộ phận sinh dục của **H**. Nhưng do hai người đứng đối diện nhau nên không thực hiện được việc giao cấu. **Th** tiếp tục dắt **H** tới bờ kè bằng phẳng, cởi áo khoác ngoài của mình ra trải xuống đất để thực hiện hành vi giao cấu với **H**. Khi cả hai đang quan hệ tình dục thì **Th** có điện thoại của mẹ nên đứng dậy nghe còn **H** ngồi dậy và mặc quần vào. Nghe xong điện thoại, **Th** vẫn muốn tiếp tục quan hệ tình dục với **H** nhưng **H** không đồng ý. Sau đó, **Th** trở **H** về nhà.

Ngày 04/01/2015, mẹ đẻ của **H** trình báo với cơ quan Công an, cùng ngày **Th** bị bắt giữ để điều tra. Bản kết luận giám định pháp y về tình dục nữ số 01/TD của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hòa Bình kết luận “*Nguyễn Thị Thu **H** sinh năm 1999, cơ thể phát triển bình thường. Trên cơ thể không thấy dấu vết của thương tích. Màng trinh rách vị trí 4h-8h. Vết rách đã liền sẹo. Hiện tại HIV âm tính*”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức **Th** có dấu hiệu về tâm thần. Kết luận giám định pháp y tâm thần số 66/KLGĐ ngày 24/3/2016 của Viện pháp y tâm thần Trung ương – Bộ Y tế kết luận “*Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 25/12/2014, bị can Nguyễn Đức **Th** bị rối loạn hưng cảm thực tổn. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi bệnh có mã số F06.30. Bị can bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị can cần được điều trị bệnh*”.

Sau khi được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, ngày 20/7/2020, Viện pháp y tâm thần Trung ương – Bộ Y tế đã có Kết luận giám định số 64/GĐSKTT-SBCCB, kết luận “*Hiện tại bệnh tâm thần của bệnh nhân Nguyễn Đức **Th** ở giai đoạn ổn định. Đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh*”.

Bản kết luận giám định số 03/PY-GĐSK ngày 06/8/2020 về tổn hại sức khỏe của bị can Nguyễn Đức **Th** sau khi chữa bệnh của Trung tâm pháp y tỉnh Hòa Bình kết luận “*Tỷ lệ tổn thương cơ thể do bệnh tật hiện tại là 15%*”.

Cáo trạng số 62/CT-VKS-P2 ngày 28/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình truy tố Nguyễn Đức **Th** về tội “Giao cấu với trẻ em” theo khoản 1 Điều 115 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 115; Điều 43, Điều 44 BLHS năm 1999; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt Nguyễn Đức **Th** từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Tổng hợp hình phạt với bản án 119/2014/HSST ngày 26/11/2014 của Tòa án nhân dân **Th** phố Hòa Bình 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo nay chuyển thành giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức **Th** thực hiện trước khi BLHS 2015 có hiệu lực pháp luật và tội danh “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi” quy định tại khoản 1 Điều 145 của BLHS 2015 không có lợi cho người phạm tội so với quy định về tội danh “Giao cấu với trẻ em” theo khoản 1 Điều 115 của BLHS 1999. Do đó, căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành BLHS năm 2015, HĐXX áp dụng quy định của BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là BLHS 1999) để xét xử.

[2] Về hành vi bị cáo đã thực hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu giữ, nên có căn cứ xác định: Ngày 25/12/2014, tại khu vực bờ kè gần nhà máy thủy điện Hòa Bình, Nguyễn Đức **Th** (23 tuổi) và chị Nguyễn Thị Thu **H** (lúc đó **H** mới 15 tuổi 02 tháng 23 ngày) đã có hành vi giao cấu.

Hành vi này của bị cáo **Th** là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến nhân phẩm, sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu về mọi mặt cho chị **H** và làm mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo đã từng bị kết án về tội “Hiếp dâm”, biết chị **H** ở độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16

tuổi và không có sự nhầm tưởng về độ tuổi, nhưng do coi thường pháp luật, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân nên vẫn cố tình thực hiện hành vi giao cấu mặc dù có sự đồng thuận của chị **H**.

Về năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo: Quá trình điều tra, Viện pháp y tâm thần Trung ương – Bộ Y tế kết luận “*Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 25/12/2014, bị can Nguyễn Đức **Th** bị rối loạn hưng cảm thực tổn... Bị can bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi...*”. Tuy nhiên, đây không phải là căn cứ để loại trừ trách nhiệm hình sự với bị cáo mà chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 13, Điều 46 của BLHS 1999. Sau khi được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, hiện bị cáo đã đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Đức **Th** phạm vào tội “Giao cấu trẻ em” theo quy định tại khoản 1 Điều 115 của BLHS 1999.

[3] Về hình phạt áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Đức **Th** là người có nhân thân xấu. Ngày 26/11/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày 26/11/2014 về tội “Hiếp dâm”. Bị cáo **Th** đã chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo theo bản án trên kể từ ngày 26/11/2014 cho đến thời điểm bị bắt theo vụ án này (ngày 04/01/2015). Tuy nhiên, đến ngày 25/12/2014, chỉ sau khi xét xử 29 ngày, bị cáo lại có hành vi giao cấu với trẻ em. Điều này cho thấy bị cáo không ăn năn, hối cải về vi phạm pháp luật bản thân. Lạm phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS 2015. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã **Th** khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường 50.000.000đ và người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; phạm tội trong khi bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi do bệnh tật. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, được áp dụng khi quyết định hình phạt.

[4] Về quyết định hình phạt.

Bị cáo **Th** phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 36 tháng tù đã tuyên của bản án số 119/2014/HSST ngày 26/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (được trừ đi 29 ngày đã bị tạm giữ tạm giam) và tổng hợp với hình phạt của bản án này là đúng theo quy định tại Điều 56 của BLHS 2015.

Trong vụ án này, bị cáo **Th** bị bắt tạm giữ, tạm giam tổng cộng là 11 tháng 19 ngày (từ ngày 04/01/2015 đến ngày 26/11/2015 là 10 tháng 23 ngày và từ ngày 30/7/2020 đến ngày 24/8/2020 là 26 ngày); bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh với thời gian là 04 năm 07 tháng 28 ngày (từ ngày 26/11/2015 đến 24/7/2020). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án hình sự thụ lý số 81/HS-ST ngày 25/8/2014 là 29 ngày (từ ngày 15/5/2014 đến 12/6/2014). Do đó, khi áp dụng hình phạt tù với bị cáo Nguyễn Đức **Th**, cần trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trong cả hai vụ án và thời gian bắt buộc chữa bệnh, tổng cộng là 05 năm 8 tháng 16 ngày là đúng theo quy định tại Điều 43, 44 của BLHS 1999.

[5] Về trách nhiệm dân sự.

Gia đình bị cáo **Th** đã bồi thường 50.000.000đ tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại. Đây là sự tự nguyện của các bên, không ai có ý kiến, đề nghị gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra đã thu giữ 01 áo khoác nữ; 02 quần tất nữ; 01 xe mô tô BKS 28F1-3469; 01 đăng ký xe mô tô; 01 CMTND; 01 giấy phép lái xe, cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật, HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Nguyễn Đức **Th** phạm tội “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng khoản 1 Điều 115; Điều 43, Điều 44 của BLHS 1999; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 65 của BLHS 2015.

- Xử phạt Nguyễn Đức **Th** **30 tháng tù**. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù, cho hưởng án treo theo bản án số 119/2014/HSST ngày 26/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, buộc bị cáo Nguyễn Đức **Th** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **05 năm 06 tháng tù**.

Bị cáo được trừ đi 12 tháng 18 ngày là thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam.

Thời gian bắt buộc chữa bệnh (04 năm 07 tháng 28 ngày) được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đức **Th** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Công an thành phố HB;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS TPHB;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Trường Sơn